

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở			
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
76.43	Các tuyến đường còn lại tại thị trấn Hồ Xá cũ chưa có trong danh mục này và không có các tuyến đường tương đương đã được quy định	a) Đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang từ 10,5m trở lên		1.800	1.260	900	540
		b) Đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang từ 6m đến nhỏ hơn 10,5m		1.400	980	700	420
		c) Đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang từ 3m đến nhỏ hơn 6m		800	560	400	240
		d) Đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang nhỏ hơn 3m		400	280	200	120
		đ) Đường đất hoặc đường cấp phối có mặt cắt ngang quy định tại điểm a, b, c hoặc d mục này được tính bằng 0,9 lần giá đất đã được quy định tương ứng					
76.44	Các tuyến đường còn lại tại xã Vĩnh Cháp, Vĩnh Long cũ chưa có trong danh mục này và không có các tuyến đường tương đương đã được quy định	a) Đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang từ 10,5m trở lên		1.000	700	500	300
		b) Đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang từ 6m đến nhỏ hơn 10,5m		800	560	400	240
		c) Đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang từ 3m đến nhỏ hơn 6m		600	420	300	180
		d) Đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang nhỏ hơn 3m		300	210	150	90
		đ) Đường đất hoặc đường cấp phối có mặt cắt ngang quy định tại điểm a, b, c hoặc d mục này được tính bằng 0,9 lần giá đất đã được quy định tương ứng					
77	Xã Vĩnh Thủy						
77.1	Đường tỉnh 573B (đường Lâm - Thủy)	Ngã ba Cầu Châu Thị	Đến Cầu Phúc Lâm	2.000	1.400	1.000	600
77.2	Hồ Chí Minh	Đoạn qua xã Vĩnh Thủy		1.200	840	600	360
77.3	Đường tỉnh 573A (đường Lâm - Sơn)	Ngã ba Đường tỉnh 573B	Giáp Bắc sông Bến Hải (xã Vĩnh Sơn)	1.000	700	500	300
77.4	Đường tránh Quốc lộ 1A	Giáp địa giới thị trấn Hồ Xá cũ	Giáp địa giới huyện Gio Linh cũ	1.800	1.260	900	540
77.5	Các tuyến đường chưa có trong danh mục này nhưng có tuyến đường tương đương đã được quy định	Tính bằng tuyến đường đã được quy định					
77.6	Các tuyến đường còn lại tại xã Vĩnh Lâm, xã Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Thủy cũ chưa có trong danh mục này và không có các tuyến đường tương đương đã được quy định	a) Đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang từ 10,5m trở lên		1.000	700	500	300
		b) Đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang từ 6m đến nhỏ hơn 10,5m		800	560	400	240
		c) Đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang từ 3m đến nhỏ hơn 6m		400	280	200	120
		d) Đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang nhỏ hơn 3m		250	175	125	75
		đ) Đường đất hoặc đường cấp phối có mặt cắt ngang quy định tại điểm a, b, c hoặc d mục này được tính bằng 0,9 lần giá đất đã được quy định tương ứng					
78	Đặc khu Côn Cỏ						
78.1	Các tuyến đường tại đặc khu Côn Cỏ	a) Đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang từ 10,5m trở lên		400	280	200	120
		b) Đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang từ 6m		350	245	175	105
		c) Đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang từ 3m		300	210	150	90
		d) Đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang nhỏ		250	175	125	75
		đ) Đường đất hoặc đường cấp phối có mặt cắt ngang					

Tram

Ra